

PHỤ LỤC 6

GIẤY XÁC NHẬN DỊ DẠNG, DỊ TẬT BẨM SINH

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GXN-...

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN

BỊ DỊ TẬT, DỊ DẠNG BẨM SINH

Ông (bà): Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

Sinh ngày tháng năm

Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy khai sinh số (2): Ngày / / Nơi cấp:

.....

Chỗ ở hiện tại:

Bị dị tật, dị dạng bẩm sinh: (3)

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

(1) Ghi tên cơ sở y tế cấp giấy xác nhận

(2) Giấy Khai sinh chỉ dùng cho trẻ dưới 14 tuổi.

(3) Ghi cụ thể tên dị dạng, dị tật bẩm sinh kèm theo vào Giấy xác nhận này và đánh dấu (X) vào ô tương ứng trong Danh mục dị dạng, dị tật bẩm sinh dưới đây.

STT	Danh mục các dị dạng, dị tật bẩm sinh	Đánh dấu (X) vào ô tương ứng
I. Các dị dạng, dị tật bẩm sinh ở sọ não và cột sống		
1	Thai vô sọ (Anencephaly)	
2	Thoát vị não tủy (encephalomyelocele), thoát vị não - màng não (encephalocele - menigocele)	
3	Tật đầu nhỏ (Microencephaly)	
4	Tật não úng thủy bẩm sinh (hydrocephaly):	
5	Thiếu/không phát triển một phần não (Absence Agenesis a part of brain)	
6	Tật nứt đốt sống /Tật gai sống chẻ đôi (Spina bifida)	

7	Hội chứng Arnold-Chiari (Arnold-Chiari Syndrom)	
II.	Dị tật bẩm sinh về tâm thần (chậm phát triển trí tuệ Martin - Bell) gây một trong các tình trạng sau: - F70. Chậm phát triển tâm thần nhẹ - F71. Chậm phát triển tâm thần vừa - F72. Chậm phát triển tâm thần nặng - F73. Chậm phát triển tâm thần trầm trọng	
III. Các dị dạng, dị tật bẩm sinh ở mắt		
9	Không có mí mắt (Ablepharon)	
10	Tật khuyết mí mắt (Coloboma of eyelid)	
11	Tật nhãn cầu bé (Microphthalmos)	
12	Không có nhãn cầu (Anophthalmus)	
13	Tật không có màng mắt	
IV. Các dị dạng, dị tật bẩm sinh ở tai		
14	Dị tật thiếu tai ngoài bẩm sinh - Tật không tai (Congenital absence of (ear) auricle)	
15	Thiếu, teo hoặc chít hẹp bẩm sinh ống tai ngoài (Congenital absence, atresia and stricture of auditory canal (external))	
16	Dị tật thừa ở vành tai (biến dạng vành tai - Accessory auricle): - Gờ bình tai phụ (Accessory tragus) - Tật thừa tai (Polyotia) - Thịt thừa trước tai (Preauricular appendage or tag) - Thừa: tai; dải tai (Supernumerary: ear, lobule)	
17	Dị tật tai bé (Dị tật tai nhỏ - Microtia)	
V. Các dị dạng, dị tật bẩm sinh ở hàm miệng		
18	Tật sứt môi kèm hoặc không kèm nứt khẩu cái (Sứt môi hở hàm)	
VI. Các dị dạng, dị tật bẩm sinh ở chi		
19	Tật đa ngón (Polydactyly)	
20	Tật dính ngón (Syndactyly)	
21	Các khuyết tật hoặc thiếu hụt của chi trên	
22	- Bàn tay vẹo bẩm sinh (Clubhand congenital) - Bàn tay vẹo xương quay (Radial clubhand)	

23	Các khuyết tật hoặc thiếu hụt của chi dưới (Reduction defects of lower limb)	
24	Bàn chân vẹo (Clubfoot)	
25	Tật không có chi (Phocomelia)	
26	Khuyết tật Chi giống hải cẩu (Phocomelia)	
27	Loạn sản sụn từng đám nhỏ (Chondrodysplasia punctata)	
28	Lỗi xương bẩm sinh nhiều nơi (Other specified osteochondrodysplasias):	
<i>VII. Các dị dạng, dị tật bẩm sinh về bất thường nhiễm sắc thể</i>		
29	Hội chứng Down (Down syndrome) (Tam bội thể 21)	
30	Hội chứng Edwards và hội chứng Patau (Edwards syndrome and Patau syndrome) (Tam bội thể 18)	
<i>VIII. Tật song thai dính nhau</i>		
31	Sinh đôi dính nhau (conjoined twins)	

Nguồn: Thông tư liên tịch 20/2016/TTLT-BYT-BLĐTBXH đã được đính chính bởi Quyết định 3194/QĐ-BYT năm 2017